



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
LOẠI C NHNN NĂM 2022

Phụ lục 01a

**KẾT QUẢ KỶ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ KHU VỰC PHÍA BẮC VÀ MỘT SỐ ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG (CƠ QUAN THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG,
CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN) NĂM 2022**

(Đính kèm Quyết định số 1865/QĐ-NHNN ngày 04/11/2022 của Ngân hàng Nhà nước)

CVNV: Chuyên viên Nghiệp vụ

CV PTPC: Chuyên viên Phát triển phần cứng

CV PTPM: Chuyên viên Phát triển phần mềm

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
I	NHNN CHI NHÁNH BẮC KẠN (01 chỉ tiêu)										
1	NV0130	Trương Phúc Duy	29-9-1994		CVNV	Bắc Kạn		5	70.0	75.0	Trúng tuyển
2	NV0128	Trần Ngọc Ánh		07-02-1991	CVNV	Bắc Kạn			68.0	68.0	
II	NHNN CHI NHÁNH CAO BẰNG (4 chỉ tiêu)										
1	NV0043	Nguyễn Như Hoài		13-10-1995	CVNV	Cao Bằng	Ths		85.0	85.0	Trúng tuyển
2	NV0059	Trương Quốc Tân	14-12-1992		CVNV	Cao Bằng		5	78.0	83.0	Trúng tuyển
3	NV0063	Lại Hồng Thu		06-8-1996	CVNV	Cao Bằng		5	76.0	81.0	Trúng tuyển
4	NV0046	Mông Linh Hương		07-3-1999	CVNV	Cao Bằng		5	75.0	80.0	Trúng tuyển
5	NV0061	Liêu Minh Thế	07-06-2000		CVNV	Cao Bằng		5	73.0	78.0	
6	NV0038	Hoàng Thu Diệu		25-01-1990	CVNV	Cao Bằng		5	72.0	77.0	
7	NV0041	Nông Thị Thu Hằng		16-01-1994	CVNV	Cao Bằng		5	70.0	75.0	
8	NV0035	Lê Thị Mai Anh		20-11-1989	CVNV	Cao Bằng		5	55.0	60.0	
9	NV0039	Nông Tiến Đạt	11-8-1990		CVNV	Cao Bằng		5	53.0	58.0	
10	NV0054	Hoàng Phương Nam	28-02-1995		CVNV	Cao Bằng		5	53.0	58.0	
11	NV0048	Nguyễn Thị Thu Hương		30-4-1989	CVNV	Cao Bằng		5	52.0	57.0	
12	NV0057	Lương Thị Hồng Nhung		29-3-1999	CVNV	Cao Bằng		5	51.0	56.0	
13	NV0053	Hoàng Huy Mạnh	12-11-1999		CVNV	Cao Bằng		5	50.0	55.0	
14	NV0064	Phạm Phương Trà		15-10-1999	CVNV	Cao Bằng		5	50.0	55.0	
15	NV0050	Trần Thị Thu Huyền		05-04-1994	CVNV	Cao Bằng			52.0	52.0	
16	NV0058	Ngô Văn Quyển	02-01-1993		CVNV	Cao Bằng	Ths		52.0	52.0	
17	NV0049	Vũ Thanh Huyền		04-12-1997	CVNV	Cao Bằng			50.0	50.0	
III	NHNN CHI NHÁNH ĐIỆN BIÊN (06 chỉ tiêu)										
1	NV0029	Trần Thị Thanh Trang		03-12-2000	CVNV	Điện Biên			77.0	77.0	Trúng tuyển
2	NV0003	Lê Thị Ngọc Ánh		30-12-1999	CVNV	Điện Biên			76.0	76.0	Trúng tuyển
3	NV0007	Vũ Thị Hà		27-05-1995	CVNV	Điện Biên			75.0	75.0	Trúng tuyển
4	NV0024	Lê Phương Thanh		11-11-1999	CVNV	Điện Biên			74.0	74.0	Trúng tuyển
5	NV0013	Vũ Mạnh Hùng	15-9-1997		CVNV	Điện Biên	Ths		72.0	72.0	Trúng tuyển
6	NV0022	Trần Thu Phương		31-8-1999	CVNV	Điện Biên			70.0	70.0	Trúng tuyển
7	NV0025	Trần Thị Phương Thảo		20-12-1999	CVNV	Điện Biên			69.0	69.0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
8	NV0027	Phạm Phương Thúy		08-12-1992	CVNV	Điện Biên			68.0	68.0	
9	NV0028	Đặng Thùy Trang		19-5-1999	CVNV	Điện Biên			68.0	68.0	
10	NV0017	Nguyễn Ngọc Minh		09-12-2000	CVNV	Điện Biên			65.0	65.0	
11	NV0004	Nguyễn Thị Tuệ Chinh		22-7-1995	CVNV	Điện Biên			64.0	64.0	
12	NV0012	Nguyễn Thị Huệ		12-11-1990	CVNV	Điện Biên			63.0	63.0	
13	NV0030	Nguyễn Thu Trang		06-10-1999	CVNV	Điện Biên			63.0	63.0	
14	NV0008	Nguyễn Thị Thu Hà		25-12-1997	CVNV	Điện Biên			62.0	62.0	
15	NV0031	Nguyễn Huyền Trang		21-10-2000	CVNV	Điện Biên			62.0	62.0	
16	NV0014	Lường Thị Liêm		06-04-2000	CVNV	Điện Biên		5	56.0	61.0	
IV NHNN CHI NHÁNH HÀ GIANG (02 chỉ tiêu)											
1	NV0250	Đàm Mai Linh		06-09-1999	CVNV	Hà Giang		5	78.0	83.0	Trúng tuyển
2	NV0255	Nguyễn Quỳnh Trang		18-08-1993	CVNV	Hà Giang			81.0	81.0	Trúng tuyển
3	NV0243	Phạm Mỹ Duyên		09-05-1999	CVNV	Hà Giang		5	73.0	78.0	
4	NV0244	Phùng Huy Đạt	01-02-1999		CVNV	Hà Giang			75.0	75.0	
5	NV0252	Nguyễn Thị Kim Oanh		05-10-1997	CVNV	Hà Giang		5	68.0	73.0	
6	NV0245	Đặng Ngọc Hà		29-11-1998	CVNV	Hà Giang		5	64.7	69.7	
7	NV0248	Sin Thu Huyền		20-02-1999	CVNV	Hà Giang		5	55.0	60.0	
V NHNN CHI NHÁNH HÒA BÌNH (01 chỉ tiêu)											
1	NV0266	Đỗ Thị Phương Anh		01-01-1996	CVNV	Hòa Bình			79.0	79.0	Trúng tuyển
2	NV0269	Bùi Thu Hằng		17-02-1997	CVNV	Hòa Bình		5	73.0	78.0	
3	NV0272	Hoàng Thu Quỳnh		30-01-1992	CVNV	Hòa Bình	Ths		68.3	68.3	
4	NV0271	Vũ Hồng Nhung		21-7-1995	CVNV	Hòa Bình			50.3	50.3	
VI NHNN CHI NHÁNH LAI CHÂU (02 chỉ tiêu)											
1	NV0261	Vũ Năng Dũng	19-12-1998		CVNV	Lai Châu			75.0	75.0	Trúng tuyển
2	NV0258	Bùi Thị Huệ Chi		06-12-1998	CVNV	Lai Châu			73.0	73.0	Trúng tuyển
3	NV0256	Lê Thị Vân Anh		16-05-1993	CVNV	Lai Châu	Ths		70.0	70.0	
4	NV0263	Lê Hoàng Long	23-12-1993		CVNV	Lai Châu			60.0	60.0	
5	NV0264	Nguyễn Vũ Thu Thảo		18-05-2000	CVNV	Lai Châu			55.0	55.0	
6	NV0262	Nguyễn Thị Mai Hương		23-10-1995	CVNV	Lai Châu			51.0	51.0	
VII NHNN CHI NHÁNH LẠNG SƠN (03 chỉ tiêu)											
2	NV0085	Vũ Hồng Nhung		17-11-1996	CVNV	Lạng Sơn			72.0	72.0	Trúng tuyển
3	NV0087	Nguyễn Thị Hương Quỳnh		16-10-1998	CVNV	Lạng Sơn			71.0	71.0	Trúng tuyển
6	NV0688	Đỗ Minh Long	10-11-2000		CVNV	Lạng Sơn			70.0	70.0	Trúng tuyển
1	NV0095	Phan Minh Vũ	06-10-2000		CVNV	Lạng Sơn		5	64.0	69.0	
5	NV0071	Nông Thị Hồng Hạnh		06-04-1999	CVNV	Lạng Sơn		5	63.0	68.0	
7	NV0079	Bế Thị Luyến		11-02-1995	CVNV	Lạng Sơn		5	61.0	66.0	
8	NV0088	Phạm Minh Thành	25/10/1988		CVNV	Lạng Sơn	Ths	5	60.0	65.0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
4	NV0068	Bùi Ngọc Cường	11-07-1995		CVNV	Lạng Sơn			63.0	63.0	
9	NV0092	Nông Quỳnh Trang		12-07-1995	CVNV	Lạng Sơn		5	54.0	59.0	
10	NV0076	Vương Hoàng Mai Hương		30-07-1998	CVNV	Lạng Sơn		5	53.0	58.0	
11	NV0077	Nguyễn Khánh Linh		02-02-1998	CVNV	Lạng Sơn			58.0	58.0	
VIII NHNN CHI NHÁNH LÀO CAI (03 chỉ tiêu)											
1	NV0125	Ninh Thị Thu Trang		16-9-1989	CVNV	Lào Cai			76.0	76.0	Trúng tuyển
2	NV0124	Vũ Thị Thủy		17-07-1993	CVNV	Lào Cai			75.0	75.0	Trúng tuyển
3	NV0116	Nguyễn Thùy Mai		11-04-1993	CVNV	Lào Cai			74.0	74.0	Trúng tuyển
4	NV0102	Trần Anh Dũng	18-12-1995		CVNV	Lào Cai	Ths		71.0	71.0	
5	NV0112	Nguyễn Thị Thùy Linh		23-7-1993	CVNV	Lào Cai			68.0	68.0	
6	NV0106	Trần Thị Tuyết Hoa		21-02-1992	CVNV	Lào Cai			67.0	67.0	
7	NV0114	Phùng Thị Ninh		02-08-1994	CVNV	Lào Cai			66.0	66.0	
8	NV0127	Phạm Lê Vy		23-12-1998	CVNV	Lào Cai			64.0	64.0	
9	NV0101	Hà Thùy Chi		13-12-1989	CVNV	Lào Cai		5	51.0	56.0	
10	NV0109	Trương Thị Thu Huyền		12-11-1991	CVNV	Lào Cai			55.0	55.0	
11	NV0123	Ngô Phương Thảo		01-12-1998	CVNV	Lào Cai			50.0	50.0	
IX NHNN CHI NHÁNH PHÚ THỌ (01 chỉ tiêu)											
1	NV0232	Lê Đức Anh	22-05-1993		CVNV	Phú Thọ			75.0	75.0	Trúng tuyển
2	NV0234	Nguyễn Thị Thùy Anh		15-09-1998	CVNV	Phú Thọ			73.0	73.0	
3	NV0237	Nguyễn Khánh Linh		09-10-1993	CVNV	Phú Thọ			70.0	70.0	
4	NV0236	Trần Thị Hồng Ngọc Huyền		26-11-1999	CVNV	Phú Thọ			68.0	68.0	
5	NV0240	Lê Thị Ngọc Oanh		18-11-1996	CVNV	Phú Thọ			65.0	65.0	
6	NV0238	Hà Phương Ngân		12-12-1990	CVNV	Phú Thọ			60.0	60.0	
7	NV0235	Phạm Thị Thúy Hằng		20-10-1986	CVNV	Phú Thọ	Ths		57.0	57.0	
X NHNN CHI NHÁNH QUẢNG NINH (04 chỉ tiêu)											
1	NV0162	Phạm Thị Quỳnh Anh		26-03-1996	CVNV	Quảng Ninh			80.0	80.0	Trúng tuyển
2	NV0175	Dương Thu Hoài		15-11-1993	CVNV	Quảng Ninh	Ths		78.0	78.0	Trúng tuyển
3	NV0205	Đỗ Đức Tú	18-10-1989		CVNV	Quảng Ninh	Ths	5	70.0	75.0	Trúng tuyển
4	NV0176	Đỗ Quốc Hội	24-07-1986		CVNV	Quảng Ninh			73.0	73.0	Trúng tuyển
5	NV0166	Mạc Thị Đăng Dung		17-02-1996	CVNV	Quảng Ninh			70.0	70.0	
6	NV0159	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		05-02-1999	CVNV	Quảng Ninh			68.0	68.0	
7	NV0161	Phạm Minh Anh		01-12-1997	CVNV	Quảng Ninh	Ths		67.0	67.0	
8	NV0182	Nguyễn Khánh Huyền		30-09-1998	CVNV	Quảng Ninh			65.0	65.0	
9	NV0193	Nguyễn Hoàng Như		25-07-1995	CVNV	Quảng Ninh			65.0	65.0	
10	NV0181	Nguyễn Thị Hà Hương		29-12-1987	CVNV	Quảng Ninh	Ths		64.0	64.0	
11	NV0196	Mai Thị Thanh Tâm		04-12-1996	CVNV	Quảng Ninh			62.0	62.0	
12	NV0180	Ngô Thị Thanh Thương		13-03-1986	CVNV	Quảng Ninh			61.0	61.0	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
13	NV0165	Phạm Quang	Đạt	02-02-1994		CVNV	Quảng Ninh			60.0	60.0	
14	NV0168	Lưu Thùy	Dương		08-09-1997	CVNV	Quảng Ninh			60.0	60.0	
15	NV0174	Phạm Thanh	Hoa		14-10-1986	CVNV	Quảng Ninh	Ths		60.0	60.0	
16	NV0191	Tăng Hà	Ngân		06-11-1996	CVNV	Quảng Ninh			60.0	60.0	
17	NV0172	Phạm Thị	Hậu		05-09-1990	CVNV	Quảng Ninh	Ths		59.0	59.0	
18	NV0194	Đinh Thị Như	Quỳnh		07-12-1991	CVNV	Quảng Ninh			59.0	59.0	
19	NV0167	Lê Ánh Thùy	Dương		18-10-1991	CVNV	Quảng Ninh			58.0	58.0	
20	NV0184	Vũ Thị Thanh	Huyền		27-01-1993	CVNV	Quảng Ninh	Ths		57.0	57.0	
21	NV0200	Trần Thanh	Thảo		24-05-2000	CVNV	Quảng Ninh			57.0	57.0	
22	NV0192	Vũ Thúy	Ngọc		12-12-1997	CVNV	Quảng Ninh			55.0	55.0	
23	NV0197	Nguyễn Xuân	Thắng	29-08-1986		CVNV	Quảng Ninh			55.0	55.0	
24	NV0202	Trần Thị Như	Trang		12-08-1992	CVNV	Quảng Ninh			55.0	55.0	
XI NHNN CHI NHÁNH SƠN LA (01 chỉ tiêu)												
1	NV0221	Nguyễn Phương	Anh		07-08-1998	CVNV	Sơn La			76.0	76.0	Trúng tuyển
2	NV0227	Nguyễn Thị Liên	Phương		25-12-1998	CVNV	Sơn La			74.0	74.0	
3	NV0228	Cầm Văn	Thắng	11-10-1993		CVNV	Sơn La		5	68.0	73.0	
4	NV0230	Đặng Thị Huyền	Trang		01-12-1990	CVNV	Sơn La		5	62.0	67.0	
5	NV0229	Quảng Thị Anh	Thư		28-3-1998	CVNV	Sơn La		5	60.0	65.0	
6	NV0223	Nguyễn Nhật	Cường	26-11-2000		CVNV	Sơn La			63.0	63.0	
7	NV0224	Nguyễn Thị	Đức		24-3-1999	CVNV	Sơn La			60.0	60.0	
8	NV0231	Nguyễn Thị Thu	Trang		30/3/1996	CVNV	Sơn La			60.0	60.0	
XII NHNN CHI NHÁNH TUYỀN QUANG (03 chỉ tiêu)												
1	NV0216	Nguyễn Thu	Trang		28-02-1992	CVNV	Tuyên Quang	Ths		80.0	80.0	Trúng tuyển
2	NV0218	Trần Văn	Tiến	01-7-1994		CVNV	Tuyên Quang		5	73.0	78.0	Trúng tuyển
3	NV0215	Nguyễn Thị Hương	Thảo		25-7-1989	CVNV	Tuyên Quang	Ths		75.0	75.0	Trúng tuyển
4	NV0212	Vũ Minh	Khánh		10-3-2000	CVNV	Tuyên Quang			72.0	72.0	
5	NV0206	Nguyễn Thị	Bằng		28-7-1991	CVNV	Tuyên Quang		5	62.0	67.0	
6	NV0207	Nguyễn Thu	Hà		17-12-1989	CVNV	Tuyên Quang	Ths		67.0	67.0	
7	NV0220	Nguyễn Hương	Quỳnh		15-6-1998	CVNV	Tuyên Quang			67.0	67.0	
8	NV0213	Trần Thị	Nhung		08-9-1998	CVNV	Tuyên Quang		5	60.0	65.0	
9	NV0217	Trịnh Huyền	Trang		23-7-1998	CVNV	Tuyên Quang			65.0	65.0	
10	NV0214	Trần Thị Hồng	Ngọc		16-7-1996	CVNV	Tuyên Quang			59.0	59.0	
XIII NHNN CHI NHÁNH VĨNH PHÚC (03 chỉ tiêu)												
1	NV0495	Lê Đình	Dương	21-07-1995		CVNV	Vĩnh Phúc			79.0	79.0	Trúng tuyển
2	NV0510	Bùi Thị Thanh	Huyền		29-03-1994	CVNV	Vĩnh Phúc			77.0	77.0	Trúng tuyển
3	NV0515	Nguyễn Hải	Linh		03-06-1995	CVNV	Vĩnh Phúc	Ths		76.0	76.0	Trúng tuyển
4	NV0527	Bùi Thị Bích	Phương		04-02-1993	CVNV	Vĩnh Phúc			75.0	75.0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
5	NV0542	Hoàng Lê Tùng	24-06-1991		CVNV	Vĩnh Phúc			74.0	74.0	
6	NV0504	Nguyễn Thị Thảo Hương		23-01-1991	CVNV	Vĩnh Phúc			71.0	71.0	
7	NV0522	Dương Thị Bích Ngọc		06-09-1999	CVNV	Vĩnh Phúc			71.0	71.0	
8	NV0536	Nguyễn Hà Trang		13-09-2000	CVNV	Vĩnh Phúc			71.0	71.0	
9	NV0498	Trần Thị Thu Hằng		26-02-1988	CVNV	Vĩnh Phúc			69.0	69.0	
10	NV0513	Phạm Thị Lan		26-02-1989	CVNV	Vĩnh Phúc	Ths		69.0	69.0	
11	NV0514	Nguyễn Thị Hồng Lanh		02-09-1994	CVNV	Vĩnh Phúc			68.0	68.0	
12	NV0521	Nguyễn Bích Ngọc		25-12-1998	CVNV	Vĩnh Phúc			68.0	68.0	
13	NV0525	Đỗ Thị Hồng Nhật		20-06-1997	CVNV	Vĩnh Phúc			68.0	68.0	
14	NV0487	Nguyễn Duy Anh	06-11-1994		CVNV	Vĩnh Phúc			66.0	66.0	
15	NV0523	Tạ Thị Hồng Ngọc		05-12-1994	CVNV	Vĩnh Phúc			66.0	66.0	
16	NV0505	Tạ Thanh Hương		10-03-1996	CVNV	Vĩnh Phúc			65.0	65.0	
17	NV0500	Nguyễn Thị Thu Hiền		10-04-1984	CVNV	Vĩnh Phúc	Ths		62.0	62.0	
18	NV0493	Hà Ngọc Ánh		22-02-1996	CVNV	Vĩnh Phúc			60.0	60.0	
19	NV0529	Lê Phương Thảo		02-05-1989	CVNV	Vĩnh Phúc	Ths	5	54.0	59.0	
20	NV0532	Nguyễn Thị Thu		12-10-1991	CVNV	Vĩnh Phúc			59.0	59.0	
21	NV0538	Nguyễn Thu Trang		14-08-1997	CVNV	Vĩnh Phúc			59.0	59.0	
22	NV0516	Nguyễn Thị Thanh Linh		18-04-1999	CVNV	Vĩnh Phúc					Vắng
XIV NHNN CHI NHÁNH YÊN BÁI (05 chỉ tiêu)											
1	NV0144	Nguyễn Văn Mạnh	17-02-1997		CVNV	Yên Bái			75.0	75.0	Trúng tuyển
2	NV0142	Trần Diệu Linh		08-6-1999	CVNV	Yên Bái			74.0	74.0	Trúng tuyển
3	NV0158	Ngô Thị Hải Yến		13-6-2000	CVNV	Yên Bái			74.0	74.0	Trúng tuyển
4	NV0149	Đỗ Mai Phương		01-12-2000	CVNV	Yên Bái			72.0	72.0	Trúng tuyển
5	NV0141	Trịnh Quốc Huy	24-6-2000		CVNV	Yên Bái			68.0	68.0	Trúng tuyển
6	NV0139	Nguyễn Tài Hạnh	30-03-1989		CVNV	Yên Bái	Ths		65.0	65.0	
7	NV0153	Phạm Minh Thảo		14-3-1995	CVNV	Yên Bái	Ths		54.0	54.0	
8	NV0147	Vũ Thị Hồng Nhung		08-12-1993	CVNV	Yên Bái			53.0	53.0	
XV CƠ QUAN TTGSNH (08 chỉ tiêu)											
1	CNTT03	Nguyễn Quốc Đạt	23-10-1990		CV PTPC	CQ TTGSNH		5	62.0	67.0	Trúng tuyển
2	CNTT01	Nguyễn Thị Vân Anh		14-04-1996	CV PTPM	CQ TTGSNH			65.0	65.0	Trúng tuyển
3	CNTT02	Nguyễn Mạnh Cường	11-7-1996		CV PTPM	CQ TTGSNH			60.0	60.0	Trúng tuyển
4	CNTT07	Nguyễn Bích Ngọc		27-11-1990	CV PTPM	CQ TTGSNH	Ths		49.0	49.0	
5	CNTT09	Phạm Ngọc Quỳnh		10-8-1988	CV PTPC	CQ TTGSNH	Ths		49.0	49.0	
6	CNTT06	Lê Xuân Hưng	7-10-1978		CV PTPC	CQ TTGSNH	Ths		48.0	48.0	
7	CNTT12	Nguyễn Thị Diễm Thu		30-03-1992	CV PTPM	CQ TTGSNH			48.0	48.0	
XVI CỤC CNTT (04 chỉ tiêu)											
1	CNTT13	Nguyễn Ngọc Linh	9-05-1996		CV PTPM	Cục CNTT			72.0	72.0	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
XVII NHNN CHI NHÁNH THANH HÓA (7 chỉ tiêu)											
1	NV0319	Trương Thị Huyền		07-9-1985	CVNV	Thanh Hóa	Ths	5	74	79	Trúng tuyển
2	NV0372	Lê Đình Thành	05-12-1992		CVNV	Thanh Hóa			75	75	Trúng tuyển
3	NV0358	Lê Thị Thúy Quỳnh		15-8-1994	CVNV	Thanh Hóa			74	74	Trúng tuyển
4	NV0300	Nguyễn Hoàng Hải	02-09-1993		CVNV	Thanh Hóa			73	73	Trúng tuyển
5	NV0381	Lê Thu Thùy		02-06-1994	CVNV	Thanh Hóa			72	72	Trúng tuyển
6	NV0325	Nguyễn Thị Linh		08-12-1992	CVNV	Thanh Hóa	Ths		71	71	Trúng tuyển
7	NV0283	Lê Minh Châu		22-11-1999	CVNV	Thanh Hóa			70	70	Trúng tuyển
8	NV0313	Đỗ Văn Hoàn	09-01-1995		CVNV	Thanh Hóa			69	69	
9	NV0293	Lê Hoàng Giang	01-8-1992		CVNV	Thanh Hóa	Ths		68	68	
10	NV0347	Lại Thanh Nhân		12-06-2000	CVNV	Thanh Hóa			68	68	
11	NV0389	Lê Thu Trang		15-6-2000	CVNV	Thanh Hóa			68	68	
12	NV0331	Lê Nguyễn Khánh Linh		24-11-1999	CVNV	Thanh Hóa			67	67	
13	NV0399	Lê Thị Thanh Vân		23-08-1998	CVNV	Thanh Hóa			67	67	
14	NV0298	Nguyễn Thị Hà		04-5-1988	CVNV	Thanh Hóa			66	66	
15	NV0320	Phạm Thị Huyền		08-01-1990	CVNV	Thanh Hóa			66	66	
16	NV0317	Hoàng Ngọc Huyền		04-02-1999	CVNV	Thanh Hóa			65	65	
17	NV0342	Nguyễn Thị Ngà		03-11-1989	CVNV	Thanh Hóa			65	65	
18	NV0365	Vũ Xuân Tâm		30-4-1991	CVNV	Thanh Hóa			65	65	
19	NV0387	Nguyễn Thu Trang		29-08-1993	CVNV	Thanh Hóa			65	65	
20	NV0339	Hồ Khắc Minh	19-6-1996		CVNV	Thanh Hóa			64	64	
21	NV0362	Phạm Hữu Sơn	26-10-1991		CVNV	Thanh Hóa			64	64	
22	NV0338	Trịnh Hoàng Mai		21-03-2001	CVNV	Thanh Hóa			63	63	
23	NV0354	Đỗ Thị Phương		23-7-1995	CVNV	Thanh Hóa			63	63	
24	NV0371	Đỗ Duy Thanh	10-6-1987		CVNV	Thanh Hóa			63	63	
25	NV0350	Trịnh Anh Pháp	12-02-1989		CVNV	Thanh Hóa	Ths	5	58	63	
26	NV0352	Nguyễn Hà Phương		27-11-1994	CVNV	Thanh Hóa			62	62	
27	NV0323	Chu Thùy Linh		17-08-1994	CVNV	Thanh Hóa			62	62	
28	NV0281	Nguyễn Thị Ngọc Bích		10-6-1988	CVNV	Thanh Hóa		5	56	61	
29	NV0285	Nguyễn Mai Chi		15-03-1998	CVNV	Thanh Hóa		5	56	61	
30	NV0321	Bùi Phương Huyền		20-8-2000	CVNV	Thanh Hóa			61	61	
31	NV0349	Dương Thị Hồng Nhung		04-6-1995	CVNV	Thanh Hóa	Ths		61	61	
32	NV0379	Nguyễn Thị Thùy		14-06-1990	CVNV	Thanh Hóa		5	56	61	
33	NV0322	Nguyễn Thị Mai Hương		09-04-1989	CVNV	Thanh Hóa		5	55	60	
34	NV0343	Mai Danh Ngọc	16-02-1992		CVNV	Thanh Hóa	Ths		60	60	
35	NV0345	Trần Văn Ngọc	24-10-1997		CVNV	Thanh Hóa			60	60	
36	NV0374	Mai Phương Thảo		21-03-1999	CVNV	Thanh Hóa			60	60	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
37	NV0275	Lê Thị Tú	Anh		18-01-1999	CVNV	Thanh Hóa			59	59	
38	NV0367	Nguyễn Hữu	Tiến	02-09-1991		CVNV	Thanh Hóa			59	59	
39	NV0390	Vũ Huyền	Trang		15-10-1996	CVNV	Thanh Hóa			59	59	
40	NV0278	Lê Thị Ngọc	Anh		27-9-1993	CVNV	Thanh Hóa			58	58	
41	NV0364	Lê Thị Thanh	Tâm		08-03-1992	CVNV	Thanh Hóa	Ths		58	58	
42	NV0382	Nguyễn Thị	Thúy		03-02-1991	CVNV	Thanh Hóa		5	53	58	
43	NV0402	Lê Bình	Yên	07-10-1997		CVNV	Thanh Hóa			58	58	
44	NV0280	Lê Ngọc	Ánh		11-11-1994	CVNV	Thanh Hóa			57	57	
45	NV0366	Nguyễn Thị	Tâm		23-07-1987	CVNV	Thanh Hóa			57	57	
46	NV0395	Lê Thị Thu	Trang		08-02-1994	CVNV	Thanh Hóa	Ths		57	57	
47	NV0324	Lê Bá Đức	Linh		13-5-1996	CVNV	Thanh Hóa	Ths		56	56	
48	NV0326	Cao Khánh	Linh		01-8-1999	CVNV	Thanh Hóa			55	55	
49	NV0332	Trần Thu	Linh		12-10-1994	CVNV	Thanh Hóa			55	55	
50	NV0363	Trịnh Thị	Tâm		23-08-1993	CVNV	Thanh Hóa			55	55	
51	NV0385	Bùi Thị Mai	Thương		06-12-1995	CVNV	Thanh Hóa			55	55	
52	NV0295	Nguyễn Thị	Hà		06-05-1992	CVNV	Thanh Hóa			54	54	
53	NV0335	Đào Thanh	Mai		06-12-1999	CVNV	Thanh Hóa			54	54	
54	NV0336	Trịnh Thị Ánh	Mai		18-02-2000	CVNV	Thanh Hóa			54	54	
55	NV0337	Lê Thị	Mai		10-04-1993	CVNV	Thanh Hóa			54	54	
56	NV0277	Lê Trịnh Quế	Anh		05-05-1999	CVNV	Thanh Hóa			53	53	
57	NV0303	Đặng Thu	Hằng		10-11-1989	CVNV	Thanh Hóa	Ths		53	53	
58	NV0306	Lê Thị Như	Hậu		03-02-1990	CVNV	Thanh Hóa			53	53	
59	NV0314	Phạm Thanh	Hoàng	08-11-1999		CVNV	Thanh Hóa			53	53	
60	NV0333	Nguyễn Tuấn	Long	11-3-1990		CVNV	Thanh Hóa	Ths		53	53	
61	NV0294	Lê Thị Trà	Giang		14-03-1996	CVNV	Thanh Hóa	Ths		52	52	
62	NV0311	Nguyễn Thị	Hoa		29-08-1996	CVNV	Thanh Hóa			52	52	
63	NV0318	Lê Thị Khánh	Huyền		31-10-2000	CVNV	Thanh Hóa			52	52	
64	NV0327	Nguyễn Khánh	Linh		23-10-1998	CVNV	Thanh Hóa			52	52	
65	NV0296	Lương Thị	Hà		30-4-1989	CVNV	Thanh Hóa			51	51	
66	NV0299	Nguyễn Thị Nga	Hải		10-02-1998	CVNV	Thanh Hóa			51	51	
67	NV0310	Bùi Thị	Hiếu		20-11-1988	CVNV	Thanh Hóa	Ths		51	51	
68	NV0316	Lê Quang	Huy	28-12-1997		CVNV	Thanh Hóa			51	51	
69	NV0291	Nguyễn Thị	Duyên		17-5-1995	CVNV	Thanh Hóa			50	50	
70	NV0315	Lê Thị	Hồng		15-11-1988	CVNV	Thanh Hóa			50	50	
71	NV0370	Lê Thị	Thanh		19-01-2000	CVNV	Thanh Hóa			50	50	
XVIII NHNN CHI NHÁNH NAM ĐỊNH (5 chỉ tiêu)												
1	NV0445	Trần Phương	Thịnh	26-11-1994		CVNV	Nam Định			78	78	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
2	NV0425	Nguyễn Thùy	Linh		13-11-1995	CVNV	Nam Định			76	76	Trúng tuyển
3	NV0431	Trần Lê	Minh	03-05-1996		CVNV	Nam Định	Ths		75	75	Trúng tuyển
4	NV0413	Ngô Phương	Hà		15-8-2000	CVNV	Nam Định			73	73	Trúng tuyển
5	NV0424	Phạm Thị	Liều		20-4-1998	CVNV	Nam Định			72	72	Trúng tuyển
6	NV0439	Nguyễn Thị Thu	Phương		16-4-1998	CVNV	Nam Định			66	66	
7	NV0435	Trần Thị	Ngọc		24-01-1990	CVNV	Nam Định		5	60	65	
8	NV0422	Mai Thu	Hương		04-8-1996	CVNV	Nam Định	Ths		63	63	
9	NV0440	Nguyễn Thu	Phương		16-12-2000	CVNV	Nam Định			63	63	
10	NV0455	Hà Hải	Yến		20-11-1995	CVNV	Nam Định			63	63	
11	NV0411	Nguyễn Thùy	Dương		28-9-1993	CVNV	Nam Định			62	62	
12	NV0429	Mai Thị	Mến		10-02-1989	CVNV	Nam Định			62	62	
13	NV0442	Nguyễn Mai Ngọc	Quỳnh		19-9-2000	CVNV	Nam Định			62	62	
14	NV0408	Vũ Linh	Chi		18-9-2000	CVNV	Nam Định			61	61	
15	NV0420	Đỗ Thị	Hương		11-04-1998	CVNV	Nam Định			61	61	
16	NV0427	Nguyễn Phương	Linh		23-6-1993	CVNV	Nam Định			61	61	
17	NV0432	Nguyễn Quỳnh	Nga		02-10-1996	CVNV	Nam Định	Ths		61	61	
18	NV0441	Lê Thị	Quý		27-9-1995	CVNV	Nam Định	Ths		61	61	
19	NV0405	Nguyễn Tú	Anh		17-08-1994	CVNV	Nam Định	Ths		60	60	
20	NV0419	Đặng Trần Minh	Hùng	07-03-1988		CVNV	Nam Định	Ths		60	60	
21	NV0430	Phạm Ngọc Nguyệt	Minh		14-11-2000	CVNV	Nam Định			60	60	
22	NV0450	Trần Quang	Trung	14-10-1999		CVNV	Nam Định			60	60	
23	NV0412	Bùi Vũ Việt	Hà	23-01-1996		CVNV	Nam Định	Ths		58	58	
24	NV0426	Đoàn Thị Thùy	Linh		22-7-1991	CVNV	Nam Định			58	58	
25	NV0433	Trịnh Thị Hồng	Nga		24-01-1991	CVNV	Nam Định	Ths		58	58	
26	NV0451	Đặng Hoàng	Tùng	22-3-1995		CVNV	Nam Định			58	58	
27	NV0415	Đặng Thị Thu	Hiền		20-10-1996	CVNV	Nam Định			57	57	
28	NV0404	Vũ Hữu	Anh	23-12-1999		CVNV	Nam Định			55	55	
29	NV0434	Nguyễn Thị	Ngà		31-3-1993	CVNV	Nam Định		5	50	55	
30	NV0448	Vũ Mạnh	Tiến	24-12-1991		CVNV	Nam Định			51	51	
31	NV0421	Hà Thị	Hương		10-4-1999	CVNV	Nam Định					Vắng
XIX NHNN CHI NHÁNH HƯNG YÊN (3 chỉ tiêu)												
1	NV0460	Nguyễn Tiến	Dũng	25-5-1994		CVNV	Hung Yên			75	75	Trúng tuyển
2	NV0459	Hoàng Đức	Dũng	11-4-1999		CVNV	Hung Yên			73	73	Trúng tuyển
3	NV0479	Nguyễn Phương	Thảo		30-8-2000	CVNV	Hung Yên			71	71	Trúng tuyển
4	NV0465	Bùi Thu	Hiền		7-10-1991	CVNV	Hung Yên			70	70	
5	NV0478	Trịnh Đức	Thái	12-8-1990		CVNV	Hung Yên	Ths		68	68	
6	NV0482	Vũ Thị Minh	Thư		02-10-1990	CVNV	Hung Yên			67	67	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
7	NV0483	Tạ Ngọc	Trâm		31-10-2000	CVNV	Hung Yên			66	66	
8	NV0477	Trần Thị Như	Quỳnh		03-6-1989	CVNV	Hung Yên			65	65	
9	NV0481	Vũ Đức	Thắng	08-8-1990		CVNV	Hung Yên			63	63	
10	NV0480	Nguyễn Thị	Thảo		10-01-1996	CVNV	Hung Yên			62	62	
11	NV0469	Hoàng Mai	Hương		16-12-1998	CVNV	Hung Yên			60	60	
12	NV0473	Nguyễn Thị Cẩm	Mi		26-7-1997	CVNV	Hung Yên			59	59	
13	NV0456	Ngô Thị Phương	Anh		03-02-1996	CVNV	Hung Yên			58	58	
14	NV0458	Ngô Thanh	Bình	11-10-1983		CVNV	Hung Yên			56	56	
15	NV0462	Đinh Hữu	Đạt	22-8-1996		CVNV	Hung Yên			54	54	
16	NV0476	Đào Đức	Phú	16-10-1995		CVNV	Hung Yên			53	53	
17	NV0470	Nguyễn Thị	Luyến		19-6-1999	CVNV	Hung Yên					Vắng
18	NV0471	Lương Thị Ngọc	Mai		20-7-1999	CVNV	Hung Yên					Vắng
XX NHNN CHI NHÁNH HẢI PHÒNG (5 chỉ tiêu)												
1	NV0597	Trần Thị Đoan	Trang		04-10-1979	CVNV	Hải Phòng			75	75	Trúng tuyển
2	NV0553	Hoàng Thùy	Dương		16-10-1998	CVNV	Hải Phòng			74	74	Trúng tuyển
3	NV0592	Đào Thị Thu	Thùy		19-01-2000	CVNV	Hải Phòng			73	73	Trúng tuyển
4	NV0590	Vũ Thị Phương	Thảo		25-9--1998	CVNV	Hải Phòng			72	72	Trúng tuyển
5	NV0563	Bùi Thị Minh	Huyền		07-01-1997	CVNV	Hải Phòng			70	70	Trúng tuyển
6	NV0575	Phan Vũ Nhật	Linh		22-9-1998	CVNV	Hải Phòng			68	68	
7	NV0596	Nguyễn Thị Thu	Trang		26-3-1987	CVNV	Hải Phòng	Ths		67	67	
8	NV0545	Đặng Thị Hải	Anh		25-4-1993	CVNV	Hải Phòng			66	66	
9	NV0548	Vũ Ngọc	Anh		21-11-1994	CVNV	Hải Phòng	Ths		65	65	
10	NV0587	Vũ Mai	Phương		30-01-1997	CVNV	Hải Phòng			65	65	
11	NV0594	Nguyễn Thị Hoài	Thu		18-5-1991	CVNV	Hải Phòng	Ths		65	65	
12	NV0591	Nguyễn Minh	Thịnh	13-10-1987		CVNV	Hải Phòng			64	64	
13	NV0595	Đỗ Thị	Trang		27-02-1992	CVNV	Hải Phòng			64	64	
14	NV0582	Trương Thị Bích	Ngọc		07-02-1987	CVNV	Hải Phòng	Ths		63	63	
15	NV0588	Phùng Trần	Phượng		16-12-1987	CVNV	Hải Phòng			63	63	
16	NV0564	Nguyễn Thanh	Huyền		31-12-1996	CVNV	Hải Phòng			62	62	
17	NV0565	Nguyễn Thị	Huyền		16-7-1987	CVNV	Hải Phòng			62	62	
18	NV0557	Nguyễn Thị	Hà		06-10-1987	CVNV	Hải Phòng	Ths		61	61	
19	NV0566	Vũ Thị	Huyền		04-01-1994	CVNV	Hải Phòng			61	61	
20	NV0567	Vũ Thu	Huyền		26-6-1987	CVNV	Hải Phòng	Ths		61	61	
21	NV0568	Phạm Lê Việt	Hưng	31-01-1994		CVNV	Hải Phòng			61	61	
22	NV0574	Nguyễn Quang	Linh	17-9-1994		CVNV	Hải Phòng	Ths		60	60	
23	NV0577	Đào Văn	Nam	20-9-1997		CVNV	Hải Phòng	Ths		60	60	
24	NV0578	Nguyễn Thị Việt	Nhi		08-9-1995	CVNV	Hải Phòng			59	59	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
25	NV0585	Phạm Đỗ Thanh	Phuong		07-7-1998	CVNV	Hải Phòng			58	58	
26	NV0550	Nguyễn Thị	Chung		17-02-2000	CVNV	Hải Phòng		5	52	57	
27	NV0581	Trịnh Hồng	Ngọc		19-01-1998	CVNV	Hải Phòng			57	57	
28	NV0555	Trần Tiến	Đạt	25-01-1999		CVNV	Hải Phòng			56	56	
29	NV0598	Trần Thị Như	Trang		29-3-1982	CVNV	Hải Phòng	Ths		53	53	
30	NV0602	Trần Anh	Văn	17-9-1998		CVNV	Hải Phòng			53	53	
31	NV0547	Nguyễn Tâm	Anh		26-12-1999	CVNV	Hải Phòng					Vắng
32	NV0551	Vũ Lân	Dũng	05-9-1997		CVNV	Hải Phòng	Ths				Vắng
33	NV0579	Phạm Thị	Nhung		24-8-1994	CVNV	Hải Phòng					Vắng
34	NV0583	Nguyễn Thị	Phuong		10-6-1989	CVNV	Hải Phòng					Vắng
XXI	NHNN CHI NHÁNH HÀ NAM (1 chỉ tiêu)											
1	NV0611	Lê Đỗ Khánh	Linh		02-10-1999	CVNV	Hà Nam			72	72	Trúng tuyển
2	NV0615	Đỗ Thị	Uyên		05-11-1988	CVNV	Hà Nam	Ths		70	70	
3	NV0608	Vũ Tiến	Đạt	16-09-2000		CVNV	Hà Nam			69	69	
4	NV0607	Nguyễn Đức	Dũng	08-09-1994		CVNV	Hà Nam			61	61	
5	NV0609	Lương Thị Thu	Hà		16-07-1998	CVNV	Hà Nam			56	56	
6	NV0605	Phạm Ngọc	Chinh		21-01-1999	CVNV	Hà Nam		5			Vắng
7	NV0612	Trần Thị Thanh	Ngân		29-11-2000	CVNV	Hà Nam					Vắng
8	NV0613	Nguyễn Phương	Nhung		24-09-1999	CVNV	Hà Nam					Vắng
XXII	NHNN CHI NHÁNH NINH BÌNH (4 chỉ tiêu)											
1	NV0638	Ngô Long Phúc	Hung	10-02-2000		CVNV	Ninh Bình			78	78	Trúng tuyển
2	NV0646	Đinh Thị Mỹ	Linh		17-12-1996	CVNV	Ninh Bình			76	76	Trúng tuyển
3	NV0616	Lê Phương	Anh		03-02-1997	CVNV	Ninh Bình	Đang học Ths		75	75	Trúng tuyển
4	NV0642	Đinh Thị	Huyền		30-09-1995	CVNV	Ninh Bình			74	74	Trúng tuyển
5	NV0668	Phạm Thị	Trang		13-08-1992	CVNV	Ninh Bình			73	73	
6	NV0662	Hoàng Thị	Thơ		07-07-1990	CVNV	Ninh Bình	Ths		72	72	
7	NV0660	Phạm Phương	Thảo		26-09-2000	CVNV	Ninh Bình			71	71	
8	NV0671	Phạm Mai	Uyên		01-02-2000	CVNV	Ninh Bình			71	71	
9	NV0653	Phạm Thị	Nguyệt		10-08-1992	CVNV	Ninh Bình			70	70	
10	NV0665	Tổng Mạnh	Tiến	30-05-1994		CVNV	Ninh Bình	Ths		70	70	
11	NV0631	Nguyễn Thị	Hạnh		02-08-1990	CVNV	Ninh Bình			69	69	
12	NV0617	Dương Văn Lan	Anh		03-10-1991	CVNV	Ninh Bình	Ths		68	68	
13	NV0652	Vũ Thị	Ngọc		03-11-1992	CVNV	Ninh Bình			68	68	
14	NV0636	Nguyễn Thanh	Hồng		02-12-1998	CVNV	Ninh Bình			67	67	
15	NV0656	Phạm Thị	Phượng		29-11-1992	CVNV	Ninh Bình			66	66	
16	NV0667	Nguyễn Thị Huyền	Trang		11-10-1999	CVNV	Ninh Bình			66	66	
17	NV0618	Nguyễn Thị Lan	Anh		07-04-1995	CVNV	Ninh Bình			65	65	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
18	NV0635	Nguyễn Huy Hoàng	07-02-2000		CVNV	Ninh Bình			65	65	
19	NV0630	Trịnh Thị Hằng		11-09-1998	CVNV	Ninh Bình			64	64	
20	NV0644	Trịnh Thị Hương Lan		09-12-1995	CVNV	Ninh Bình			64	64	
21	NV0628	Nguyễn Thái Hà	16-12-1993		CVNV	Ninh Bình	Ths		63	63	
22	NV0657	Tạ Văn Quyền	20-11-1995		CVNV	Ninh Bình			62	62	
23	NV0632	Hoàng Mai Hiền		25-07-1980	CVNV	Ninh Bình	Ths		60	60	
24	NV0629	Bùi Thị Hồng Hà		27-12-1990	CVNV	Ninh Bình	Ths		58	58	
25	NV0620	Nguyễn Thị Lan Anh		28-11-1993	CVNV	Ninh Bình	Ths		57	57	
26	NV0621	Vũ Thị Lan Anh		17-08-1990	CVNV	Ninh Bình			55	55	
27	NV0623	Hoàng Linh Chi		02-09-1999	CVNV	Ninh Bình		5	50	55	
28	NV0669	Trần Anh Tuấn	19-06-1998		CVNV	Ninh Bình			53	53	
29	NV0670	Bùi Văn Tuấn	27-07-1995		CVNV	Ninh Bình			53	53	
30	NV0645	Phạm Phương Lan		24-04-1999	CVNV	Ninh Bình					Vắng
31	NV0650	Nguyễn Tuấn Minh	26-08-1999		CVNV	Ninh Bình					Vắng

XXIII NHNN CHI NHÁNH THÁI BÌNH (1 chỉ tiêu)

1	NV0672	Đỗ Ngọc Anh		28-6-1999	CVNV	Thái Bình			75	75	Trúng tuyển
2	NV0677	Vũ Thị Thu Hà		22-12-1994	CVNV	Thái Bình			73	73	
3	NV0682	Đặng Thị Ngoan		28-02-1995	CVNV	Thái Bình			70	70	
4	NV0685	Bùi Thị Minh Thu		05-02-1997	CVNV	Thái Bình			68	68	
5	NV0687	Dương Thị Thu Trang		12-9-1988	CVNV	Thái Bình			65	65	
6	NV0673	Đỗ Quỳnh Anh		19-3-1998	CVNV	Thái Bình			58	58	
7	NV0681	Đồng Thị Thu Liên		07-10-1998	CVNV	Thái Bình			57	57	
8	NV0676	Nguyễn Thu Hà		28-10-2000	CVNV	Thái Bình			56	56	
9	NV0680	Nguyễn Trần Hùng	31-5-1996		CVNV	Thái Bình			55	55	
10	NV0686	Phạm Thị Kim Thư		25-10-1999	CVNV	Thái Bình			55	55	
11	NV0684	Vũ Thị Sáu		05-12-1989	CVNV	Thái Bình			53	53	
12	NV0675	Nguyễn Ngọc Diệp		03-5-1998	CVNV	Thái Bình					Vắng

KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC



Đào Minh Tú